

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH THỦY SẢN

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Mã số học phần: 350001

#### I. Thông tin về học phần

Tên học phần: BỆNH TÔM

Tên Tiếng Anh: Shrimp disease

Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn: THỦY SẢN
- Khoa: NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành/ thí nghiệm)

Phân bố thời gian: 10 tuần (4 tuần học lý thuyết và 6 tuần học thực hành (4 tiết lý thuyết/tuần + 5 tiết thực hành/tuần). Lý thuyết học trước và thực hành học sau.

Học kỳ: 5 (học kỳ I năm thứ 3)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: Nguyễn Thị Trúc Linh; (SĐT: 0939701567; Email: [truclinh@tvu.edu.vn](mailto:truclinh@tvu.edu.vn))
- Danh sách giảng viên cùng GD: Nguyễn Thị Hồng Nhi (SĐT: 0873415966 Email: [nguyenthihongnhi@tvu.edu.vn](mailto:nguyenthihongnhi@tvu.edu.vn))  
Trần Thị Hồng Tơ (SĐT: 0944827980; [tthongto@tvu.edu.vn](mailto:tthongto@tvu.edu.vn))

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: Vật sinh thủy sản
- Môn học trước hoặc song song:

Học phần thuộc khối kiến thức:

|                                    |                                  |   |                                  |  |                                  |                                     |                                  |
|------------------------------------|----------------------------------|---|----------------------------------|--|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|
| Đại cương <input type="checkbox"/> |                                  | Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/> |                                  |  |                                  |                                     |                                  |
| Bắt buộc <input type="checkbox"/>  | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>              |                                  | Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> |                                  | Chuyên sâu <input type="checkbox"/> |                                  |
| <input type="checkbox"/>           | <input type="checkbox"/>         | Bắt buộc <input type="checkbox"/>                 | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>     | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/>   | Tự chọn <input type="checkbox"/> |

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh  Tiếng Việt

#### II. Mô tả học phần

Môn học nhằm giới thiệu cho sinh viên kiến thức về phương pháp xác định và chẩn đoán các bệnh trên tôm; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng xác định và điều trị bệnh trên tôm và giáo dục sinh viên thái độ: yêu nghề, có trách nhiệm và tận tâm với nghề.

### III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

\* **Mục tiêu:** Môn học nhằm giới thiệu cho SV kiến thức: Xác định nguyên nhân gây ra bệnh trên tôm, phương pháp chẩn đoán và đưa ra biện pháp phòng trị bệnh trên tôm đồng thời giáo dục SV thái độ yêu nghề, chấp hành nội qui học tập

\* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (*Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho ELOs của CTĐT*).

*N : Không đóng góp/không liên quan*

*S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều*

*H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều*

| Mã HP    | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|----------|--------|---|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|          |        | ELO1  | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO11 |
| BỆNH TÔM |        | N   | S    | H    | S    | S    | S    | S    | H    | H    | S     |

| Ký hiệu          | KQHTMD của học phần hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được                               | CDR của CTĐT           |
|------------------|---|------------------------|
| <b>Kiến thức</b> |   |                        |
| CELO1            | Giải thích nguyên nhân, triệu chứng các loại bệnh trên tôm  | ELO3                   |
| CELO2            | Xác định các loại bệnh trên tôm   | ELO3                   |
| CELO3            | Đánh giá các loại bệnh trên tôm trong việc quản lý súc khỏe động vật thủy sản                       | ELO2, ELO3, ELO4       |
| <b>Kỹ năng</b>   |   |                        |
| CELO4            | Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và viết báo cáo  | ELO7                   |
| CELO5            | Làm việc nhóm, làm việc độc lập   | ELO6                   |
| CELO6            | Vận dụng tư duy phân tích đánh giá, phản biện và giải quyết vấn đề trong phòng và trị bệnh trên tôm | ELO5, ELO6, ELO8, ELO9 |
| <b>Thái độ</b>   |   |                        |
| CELO7            | Có ý thức đạo đức nghề nghiệp   | ELO10                  |
| CELO8            | Yêu nghề, tự học  | ELO11                  |

### IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

#### 1. Phương pháp giảng dạy

- + Diễn giảng bằng powerpoint, đặt câu hỏi kết hợp trình chiếu video
- + Câu hỏi ngắn
- + Thảo luận nhóm.
- + Thực hiện thao tác mẫu

#### 2. Phương pháp học tập

- Sinh viên lắng nghe và trả lời câu hỏi
- Sinh viên tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và câu hỏi liên quan
- Sinh viên tham gia thảo luận nhóm và trình bày ý kiến

Sinh viên tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề đặt ra.

Sinh viên tham gia báo cáo chuyên đề

Sinh viên thực hiện quan sát và phân tích các bệnh trên cá

Sinh viên thực hiện thao tác phân tích mẫu

## V. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 70% cho phần lý thuyết và 90% cho phần thực hành.

+ Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc giảng dạy, sách tham khảo và tìm kiếm tài liệu do giảng viên cung cấp và giới thiệu.

+ Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi, nhận xét, phản biện, đánh giá và cầu thị.

## VI. Đánh giá và cho điểm

1. *Thang điểm: 10*

2. *Trọng số: đánh giá điểm quá trình: 50%, thi cuối kỳ: 50%*

## VII. Nội dung môn học

### 1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 70% thời lượng giảng dạy):

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: các bệnh thường gặp trên tôm và đưa ra biện pháp phòng bệnh trên tôm.

### 2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 30% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng làm việc độc lập khi phân tích mẫu nước, giao tiếp với khách hàng, tổng hợp thông tin viết báo cáo;

#### Phương pháp đánh giá:

| Chương   | CELOs               | Hình thức đánh giá  | Nội dung đánh giá  |
|--|---------------------|---|--|
| <b>Chương 1:</b> Nhận thức mục đích của việc chăm sóc sức khỏe cho tôm và vai trò của chăm sóc sức khỏe tôm đối với việc phòng, trị bệnh | CELO1, CELO2, CELO6 | Câu hỏi trắc nghiệm/ câu hỏi ngắn<br>Thuyết trình<br>Bài tập nhóm | 1. Trình bày mục đích của việc chăm sóc sức khỏe cho tôm.<br>2. Trình bày vai trò của việc chăm sóc sức khỏe cho tôm trong công tác phòng bệnh |

|   |   |   |  |
|---|---|---|--|
| <b>Chương 2:</b> Các phương pháp chăm sóc sức khỏe cho tôm, nhận biết các loại dịch hại đối với tôm. Một số khái niệm cơ bản về bệnh tôm. | CELO1, CELO2, CELO3, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8, CELO9        | Câu hỏi trắc nghiệm/ câu hỏi ngắn<br>Thuyết trình<br>Bài tập nhóm | 1. Mô tả các phương pháp phòng bệnh cho tôm.<br>2. Xác định các loại dịch hại đối với tôm<br>3. Giải thích nguyên nhân và điều kiện phát sinh bệnh   |
| <b>Chương 3:</b> Các bệnh trên tôm; nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng trị bệnh   | CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7, CELO8, CELO9 | Câu hỏi trắc nghiệm/ câu hỏi ngắn<br>Thuyết trình<br>Bài tập nhóm | 1. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng, trị bệnh ký sinh trùng trên tôm.<br>2. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng, trị bệnh nấm trên tôm.<br>3. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng, trị bệnh vi khuẩn trên tôm.<br>4. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng bệnh virus trên tôm. |

**Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần**

| <b>Các KQHTMĐ của HP</b> | <b>Câu hỏi ngắn (10 %)</b> | <b>Thuyết trình (20%)</b> | <b>RÚIC (20 %)</b> | <b>Thi cuối kỳ (50 %)</b> |
|--------------------------|----------------------------|---------------------------|--------------------|---------------------------|
| CELO1                    | X                          | X                         | X                  | X                         |
| CELO2                    | X                          | X                         | X                  | X                         |
| CELO3                    | X                          | X                         | X                  | X                         |
| CELO4                    |                            | X                         | X                  |                           |
| CELO5                    |                            | X                         | X                  |                           |
| CELO6                    |                            |                           |                    |                           |
| CELO7                    |                            | X                         | X                  |                           |
| CELO8                    |                            | X                         | X                  |                           |

|       |  |   |   |  |
|-------|--|---|---|--|
| CELO9 |  | X | X |  |
|-------|--|---|---|--|

### VIII. Nội dung chi tiết của học phần

#### A. Phần lý thuyết (4 tuần)

| Tuần | Nội dung chi tiết   | KQHTMD của học phần                      |
|------|---|--|
| 1    | <b>Chương 1:</b> Nhận thức mục đích của việc chăm sóc sức khỏe cho tôm và vai trò của chăm sóc sức khỏe tôm đối với việc phòng, trị bệnh (5 tiết) | CELO1, CELO4, CELO5, CELO7, CELO8        |
| 1, 2 | <b>Chương 2:</b> Các phương pháp chăm sóc sức khỏe cho tôm, nhận biết các loại dịch hại đối với tôm Một số khái niệm cơ bản về bệnh tôm (5 tiết)  | CELO1, CELO3, CELO4, CELO5, CELO8        |
| 3,4  | <b>Chương 3:</b> Các bệnh trên tôm; nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng trị (5 tiết)   | CELO1, CELO2, CELO4, CELO5, CELO6, CELO8 |

#### B. Phần thực hành (6 tuần)

| Tuần      | Nội dung chi tiết                       | KQHTMD của học phần                            |
|-----------|---|--|
| 1         | Chương 1: Thu mẫu tôm bệnh              | CELO1, CELO2, ELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO8 |
| 2, 3, 4,5 | Chương 2: Xác định tác nhân gây bệnh    | CELO1, CELO2, ELO3, CELO4, CELO5, CELO7, CELO8 |
| 6         | Chương 3: Đưa ra phương pháp phòng bệnh | CELO1, CELO2, ELO3, CELO4, CELO5, CELO8        |

### VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

#### Giáo trình

#### Tài liệu tiếng Việt

- Trần Thị Truyết Hoa, 2013. Giáo trình bệnh tôm. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ
- Đặng Thị Hoàng Oanh, 2007. Nguyên lý chẩn đoán bệnh thủy sản. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ
- Nguyễn Thanh Phương, 1994. Tình hình dịch bệnh ở Đồng Bằng Sông Cửu Long và một vài kiến nghị về phương pháp phòng trị. Khoa thủy sản. ĐHCT
- Phạm Minh Đức, 2010. Dịch tễ học và quản lý dịch bệnh tổng hợp. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ
- Bùi Quang Tè, Nguyễn Thị Muội, Đỗ Thị Hòa và Nguyễn Hữu Dũng, 2004. Bệnh học thủy sản. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội.

#### Tài liệu tiếng nước ngoài

- GILDA D. LIO-PO, CELIA R. LAVILLA, ERLINDA R. CRUZ-LACIERDA, 2001. Health management in Aquaculture. Southeast Asian Fisheries Development center, Tibauan, Ilollo, Philippines.

2. Nguyen Thi Truc Linh, Huynh Thanh Phong, Dang Thi Hoang Oanh, Truong Quoc Phu, 2017. Isolation and selection of lactic acid bacteria that can antagonize Vibrio parahaemolyticus causing acute hepatopancreatic necrosis disease in whiteleg shrimp (*Penaeus vannamei*). Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ.
3. FAO, 2013. Report of the FAO/MARD Technical Workshop on Early Mortality Syndrome (EMS) or Acute Hepatopancreatic Necrosis Disease (AHPND) of culture shrimp (under TCP/VIE/3304). Hanoi, Viet Nam, on 25-27 June 2013. FAO Fisheries and Aquaculture Report No. 1053. Rome. 54pp.
4. Loc Tran, L. Nunan, R. M. Redman, L. L. Mohey, C. R. Pantoja, K. Fizsimmons, D. V. Lightner, 2013. Determination of the infectious nature of the agent of acute hepatopancreatic necrosis syndrome affecting penaeid shrimp. Disease of aquatic organisms. 105: 45-55.
5. Nguyễn Thị Trúc Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Đặng Thị Hoàng Oanh, Trương Quốc Phú, 2017. Ảnh hưởng của việc bổ sung vi khuẩn lactic vào thức ăn lên khả năng kháng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trên tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*).

**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Kí và ghi rõ họ tên)

**Phan Thị Thanh Trúc**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Kí và ghi rõ họ tên)

Trà Vinh, ngày 5, tháng 8, năm 2018  
**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  
(Kí và ghi rõ họ tên)

*Lâm Thái Hùng*



## PHỤ LỤC

### Rubric 1: Đánh giá THUYẾT TRÌNH

| Tiêu chí                 | Điểm số<br>(Thang điểm 10) | Mức chất lượng   |   |  |   |
|--------------------------|----------------------------|--|---|--|---|
|                          |                            | Tốt  | Khá   | TB   | Kém   |
|                          |                            | 100%   | 75%   | 50%  | 0%  |
| Nội dung                 | 4                          | Phong phú (Đầy đủ nội dung, hình ảnh đẹp và phù hợp nội dung, có video minh họa, logic, lôi cuốn người nghe) | Đầy đủ (đầy đủ nội dung, hình ảnh phù hợp, có video)                    | Khá đầy đủ (thiếu 1 nội dung quan trọng)   | Chưa đầy đủ (Thiếu nhiều nội dung quan trọng)                             |
| Hình thức                | 1                          | Đẹp (video rõ, hình ảnh sắc nét, slide hài hòa, nhiều sơ đồ, bảng biểu thu hút ánh nhìn)                     | Hài hòa (slide hài hòa, có hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thu hút ánh nhìn) | Rõ ràng (rõ ràng về font chữ, thiếu hình ảnh, bảng biểu)                               | Chưa đẹp (nhiều font chữ, nhiều chữ trên 1 slide, không thu hút ánh nhìn) |
| Trình bày báo cáo        | 1                          | Mạch lạc, rõ ràng  | Khá mạch lạc, rõ ràng   | Tương đối rõ ràng  | Thiếu rõ ràng   |
|                          | 1                          | Lập luận khoa học và logic   | Lập luận khá khoa học và logic, còn một vài sai sót nhỏ                 | Lập luận có dựa vào căn cứ khoa học nhưng còn một sai sót quan trọng                   | Lập luận không có căn cứ khoa học và logic                                |
| Tương tác với người nghe | 1                          | Tương tác tốt (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị)   | Tương tác khá tốt (cử chỉ, ánh mắt, 1 vài sai sót về thái độ cầu thị)   | Tương tác ít (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị)  | Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác         |
|                          | 1                          | Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi quan trọng  | Trả lời khá thỏa đáng đa số câu hỏi quan trọng                          | Trả lời tương đối thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng, còn nhiều câu chưa trả lời được | Trả lời sai tắt cả các câu hỏi quan trọng                                 |
| * Sự phối hợp trong nhóm | 1                          | Nhóm phối hợp tốt  | Nhóm phối hợp khá tốt   | Nhóm có phối hợp nhưng chưa tốt  | Không thể hiện sự phối hợp  |

**Rubric 2: Đánh giá câu hỏi ngắn (thảo luận nhóm)**

| Tiêu chí                   | Điểm số | Tốt 100%                                  | Khá 75%                                       | Trung bình 50%                           | Kém 0%                       |
|----------------------------|---------|---|---|--|------------------------------|
| Thái độ tham gia           | 2       | Khai gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận | Tham gia thảo luận                            | Ít tham gia thảo luận                    | Không tham gia thảo luận     |
| Kỹ năng thảo luận          | 4       | Phân tích, đánh giá tốt                   | Phân tích, đánh giá khá                       | Phân tích, đánh giá khi tốt khi chưa tốt | Phân tích, đánh giá chưa tốt |
| Chất lượng đóng góp ý kiến | 4       | Sáng tạo, phù hợp, trả lời đúng trọng tâm | Chưa có tính sáng tạo, trả lời đúng trọng tâm | Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp      | Không phù hợp                |

**Rubric 3: đánh giá PROJECT**

| Tiêu chí   | Điểm số | Mức chất lượng  |   |  |  |
|--|---------|---|---|--|--|
|  |         | Rất tốt   | Khá   | TB   | Kém  |
|  |         | 100%  | 75%   | 50%  | 0%   |
| Nội dung   | 2       | Phân lập vi khuẩn Vibrio thuần gây bệnh                   | Phân lập được vi khuẩn Vibrio gây bệnh nhưng vẫn còn ít tạp nhiễm                 | Phân lập được vi khuẩn Vibrio gây bệnh nhưng vẫn còn tạp nhiễm | Không phân lập được vi khuẩn Vibrio gây bệnh |
| Định danh vi khuẩn bằng bộ kit 20E                               | 2       | Thành thạo và thực hiện đúng theo protocol hướng dẫn      | Thực hiện và định danh được vi khuẩn gây bệnh nhưng thao tác còn vụn về lúng túng | Thực hiện được quy trình nhưng còn sai trình tự quy trình      | Không thực hiện được                         |
| Hình ảnh   | 2       | Rõ ràng, sắc nét  | Rõ ràng, chưa sắc nét   | Rõ ràng nhưng còn 1-2 hình chưa rõ                             | Không rõ ràng                                |
| Xác định loại kháng sinh và chế phẩm vi sinh từ các nguồn sẵn có | 2       | -Vòng kháng khuẩn > 20 mm, tròn, đều, rõ đẹp không bị lem | Vòng kháng khuẩn > 20 mm, rõ đẹp nhưng không tròn đều                             | Vòng kháng khuẩn > 20 mm, không tròn đều, bị lem               | Không xác định được                          |
| Đưa ra phương pháp phòng trị bệnh                                | 2       | Đưa ra phương pháp phòng trị bệnh hiệu quả                | Đưa ra phương pháp có thể phòng trị bệnh  | Đưa ra phương pháp có thể phòng bệnh                           | Không đưa ra được phương pháp                |